

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:.....



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Khoa học Trái đất – Mỏ;

Chuyên ngành: Địa lý Tài nguyên và Môi trường

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: HOÀNG LƯU THU THỦY

2. Ngày tháng năm sinh: 06/12/1970 ; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Diễn Cát, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 21, ngõ 129/639 đường Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ:

a) *Cơ quan*: Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

b) *Nhà riêng*: Số 21, ngõ 129/639 đường Hoàng Hoa Thám, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 0918187668;

E-mail: thuy\_hoangluu@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1994 đến năm 1996: Là cán bộ nghiên cứu làm việc theo hợp đồng dài hạn tại Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Từ năm 1996 đến năm 2009: Là cán bộ nghiên cứu (Nghiên cứu viên) thuộc biên chế Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Từ năm 2009 đến năm 2011: Là cán bộ nghiên cứu (Nghiên cứu viên chính), Phó phòng phụ trách phòng Địa lý Khí hậu, Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Từ năm 2011 đến năm 2018: Là cán bộ nghiên cứu (Nghiên cứu viên chính), Trưởng Phòng Địa lý Khí hậu, Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Từ năm 2018 đến nay: Là cán bộ nghiên cứu (Nghiên cứu viên cao cấp), Trưởng phòng Địa lý Khí hậu, Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó phòng phụ trách phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Nhà A27, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội;

Điện thoại cơ quan: 84-24 37563539;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

a) Thỉnh giảng tại khoa: Khoa học Môi trường và Trái đất, thuộc trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.

b) Hiện là giảng viên kiêm nhiệm tại: Khoa Địa lý, Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH&CN VN

8. Đã nghỉ hưu từ tháng..... năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

a) Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;

b) Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH&CN VN

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 13 tháng 7 năm 1993; ngành: Khí tượng – Thủy văn; chuyên ngành: Khí tượng; Số hiệu bằng: A 32808

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia

Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 3 năm 2005, ngành: Khí tượng và Khí hậu học; Số hiệu bằng: QM 001651

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 3 năm 2013, ngành: Địa lý; chuyên ngành: Địa lý Tài nguyên và Môi trường

Nơi cấp bằng TS: Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Số hiệu bằng: 001840

- Được cấp bằng TSKH ngày.... tháng... năm..., ngành:....., chuyên ngành:.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng..... năm....., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Trái đất - Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng thứ nhất:** Hướng nghiên cứu khí hậu ứng dụng

- **Hướng thứ hai:** Hướng nghiên cứu địa lý khí hậu, biến đổi khí hậu góp phần phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn phụ 01 NCS (Khóa 2015-2019) tại Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam.

- Đã hướng dẫn chính 05 HVCH và hướng dẫn phụ 01 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (năm 2015, 2019 và 2020), đang hướng dẫn chính 02 HVCH (Khóa 2019-2020);

- Đã chủ nhiệm 01 đề tài KH&CN cấp Quốc gia (đã nghiệm thu năm 2015).

- Đã chủ trì đề tài nhánh của 03 đề tài KH&CN cấp Quốc gia (đã nghiệm thu).

- Đã chủ nhiệm 01 đề tài cấp cơ sở năm 2010 (đã nghiệm thu).

- Đã công bố 57 bài báo, báo cáo khoa học liên quan đến các hướng nghiên cứu chính; trong đó có 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, 01 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành quốc tế có mã số ISSN; 32 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia; 21 báo cáo khoa học trong Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia và Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế.

- Đã xuất bản 03 cuốn sách, trong đó chủ biên 01 cuốn sách chuyên khảo, đồng chủ biên 01 cuốn sách thuộc nhà xuất bản Lambert Academic; tham gia viết 01 cuốn sách thuộc nhà xuất bản Springer, 1 cuốn sách nhà xuất bản Nghệ An.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

1) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2019 (Quyết định số 294/QĐ-ĐL ngày 16/12/2019 của Viện trưởng Viện Địa lý.

2) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2018 (Quyết định số 302/QĐ-ĐL ngày 12/12/2018 của Viện trưởng Viện Địa lý.

3) Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2017 (Quyết định số 306/QĐ-ĐL ngày 15/12/2017 của Viện trưởng Viện Địa lý.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):.....

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá)

Theo các Tiêu chuẩn của Nhà giáo quy định tại Khoản 2 Điều 61 Luật Giáo dục năm 2005, tôi thấy mình đã đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn đó với những ý kiến tự đánh giá như sau:

- Có phẩm chất đạo đức và tư tưởng tốt; luôn không ngừng tự rèn luyện và tu dưỡng bản thân và luôn đề cao tính trung thực, khách quan; có tinh thần hợp tác khoa học và giúp đỡ các đồng nghiệp trong công tác giáo dục giảng dạy, trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ cũng như trong cuộc sống.

- Tôi đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn tại các trường đại học và viện nghiên cứu khi thực tập, nghiên cứu nâng cao trình độ. Về nghiệp vụ, tôi đã được đào tạo tương đối cơ bản qua các bậc đào tạo, từ đại học, sau đại học và tiến sĩ, luôn tiếp tục tự đào tạo mình tại viện nghiên cứu trong quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu hay thông qua các buổi thảo luận, hội thảo, thuyết trình về những vấn đề nghiên cứu trong các buổi sinh hoạt học thuật, bảo

vệ đề tài khoa học. Đặc biệt, để phục vụ cho công tác giảng dạy đại học và sau đại học (giảng dạy các học phần, hướng dẫn sinh viên, HVCH, NCS làm khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án) tại các trường đại học, tôi đã luôn tự trau dồi, bổ sung kiến thức, đặc biệt là những kiến thức mới, các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, các tác giả trong và ngoài nước về các lĩnh vực chuyên môn liên quan, nên trong những năm gần đây trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của tôi, theo tôi tự đánh giá là cũng đã được nâng lên một cách đáng kể.

- Bản thân tôi có sức khỏe tốt có thể đáp ứng hoàn toàn việc tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, HVCH và NCS đi thực địa và làm các công việc khác của nhà giáo theo yêu cầu của nghề nghiệp.

- Tôi có lý lịch bản thân rõ ràng.

Sau nhiều năm làm công tác nghiên cứu, bản thân tôi đã thu nhận và đúc kết được nhiều kinh nghiệm nghiên cứu cũng như đã nâng cao được kiến thức khoa học chuyên ngành địa lý tài nguyên và môi trường cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Vì sự nghiệp phát triển nền giáo dục của Đất nước, đặc biệt là công tác đào tạo sau đại học tại Khoa Địa lý, Học viện Khoa học và Công nghệ của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - nơi tôi công tác, bản thân tôi luôn có mong muốn được chia sẻ những kiến thức đã được tích lũy của bản thân mình, các kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu được tích lũy nhiều năm cho các thế hệ tiếp sau (sinh viên, HVCH, NCS) - Những thế hệ các nhà khoa học trẻ của Đất nước. Chỉ tính riêng hoạt động về lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại Phòng Địa lý Khí hậu do tôi phụ trách, hàng năm Phòng nhận từ 2-3 em sinh viên của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường, đến thực tập về các kỹ năng nghiên cứu khoa học và nhất là các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực khí hậu và tài nguyên môi trường.

Qua một số năm tham gia công tác đào tạo tại đơn vị công tác, cũng như ở một số cơ sở đào tạo đại học khác, tự đánh giá, tôi cho rằng, tôi đã luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ của Nhà giáo như quy định trong Điều 63 Luật Giáo dục như:

- Thực hiện nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục, đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như các quy định của các cơ sở giáo dục mà bản thân tôi đã tham gia giảng dạy với vai trò là Giảng viên thỉnh giảng.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của Pháp luật và điều lệ, các quy định của nhà trường.

- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học và của cơ sở đào tạo.

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tư tưởng chính trị, nêu gương tốt cho người học.

- Tôi luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ công dân theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 06 năm thâm niên đào tạo, trong đó 03 thâm niên đào tạo cuối như ở Bảng dưới đây.

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

| TT             | Năm học               | Hướng dẫn NCS |     | HD luận văn ThS | HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH | Giảng dạy |     | Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi |
|----------------|-----------------------|---------------|-----|-----------------|-----------------------------------|-----------|-----|----------------------------------|
|                |                       | Chính         | Phụ |                 |                                   | ĐH        | SDH |                                  |
| <b>1</b>       | <b>2014-2015</b>      |               |     |                 |                                   |           |     | <b>175</b>                       |
|                | Hướng dẫn             |               |     | 1               | 2                                 |           |     | 70/2+2*25=120                    |
|                | 28/8/2014             |               |     |                 |                                   |           | 45  | 45*2=90                          |
| <b>2</b>       | <b>2015-2016</b>      |               |     |                 |                                   |           |     | <b>214.96</b>                    |
|                | Hướng dẫn             |               | 1   |                 | 6                                 |           |     | 17+6*25=167                      |
|                | 27/01/2016-31/01/2016 |               |     |                 |                                   | 37.72     |     | 37.72                            |
|                | 01/02/2016-05/02/2016 |               |     |                 |                                   | 37.24     |     | 37.24                            |
| <b>3</b>       | <b>2016-2017</b>      |               |     |                 |                                   |           |     | <b>338.59</b>                    |
|                | Hướng dẫn             |               | 1   | 3               |                                   |           |     | 17+210=227                       |
|                | 21/10/2016-23/10/2016 |               |     |                 |                                   | 38.84     |     | 38.84                            |
|                | 28/10/2016-30/10/2016 |               |     |                 |                                   | 38.84     |     | 38.84                            |
|                | 15/1/2017             |               |     |                 |                                   | 33.91     |     | 33.91                            |
| 3 năm học cuối |                       |               |     |                 |                                   |           |     |                                  |
| <b>4</b>       | <b>2017-2018</b>      |               |     |                 |                                   |           |     | <b>410.84</b>                    |
|                | Hướng dẫn             |               | 1   |                 | 7                                 |           |     | 17+7*25=175                      |
|                | 16/10/2017-           |               |     |                 |                                   |           | 45  | 45*2=90                          |

|          |                           |  |   |   |  |       |    |            |
|----------|---------------------------|--|---|---|--|-------|----|------------|
|          | 29/11/2017                |  |   |   |  |       |    |            |
|          | 03/11/2017-<br>5/11/2017  |  |   |   |  | 38.84 |    | 38.84      |
|          | 20/4/2018-<br>29/4/2018   |  |   |   |  |       | 45 | 45*2=90    |
| <b>5</b> | <b>2018-2019</b>          |  |   |   |  |       |    | <b>322</b> |
|          | Hướng dẫn                 |  | 1 | 1 |  |       |    | 17+70/2=52 |
|          | 03/09/2018-<br>30/10/2018 |  |   |   |  |       | 45 | 45*2=90    |
|          | 17/09/2018-<br>30/10/2018 |  |   |   |  |       | 45 | 45*2=90    |
|          | 04/01/2019-<br>13/01/2019 |  |   |   |  |       | 45 | 45*2=90    |
| <b>6</b> | <b>2019-2020</b>          |  |   |   |  |       |    | <b>340</b> |
|          | Hướng dẫn                 |  |   | 1 |  |       |    | 70         |
|          | 5/4/2019-<br>5/5/2019     |  |   |   |  |       | 45 | 45*2=90    |
|          | 23/8/2019-<br>1/9/2019    |  |   |   |  |       | 45 | 45*2=90    |
|          | 23/9/2019-<br>30/10/2019  |  |   |   |  |       | 45 | 45*2=90    |

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

##### a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước:.....; Từ năm..... đến năm.....
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước:.... năm....

##### b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:.....; năm cấp:.....

##### c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

##### d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 Khung tham chiếu Châu Âu (sử dụng trong giao tiếp, làm việc với các chuyên gia nước ngoài, viết báo cáo, bài báo khoa học, tham khảo tài liệu).

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

| TT | Họ tên<br>NCS<br>hoặc HV   | Đối tượng |    | Trách nhiệm<br>HD |     | Thời gian<br>hướng dẫn<br>từ.....<br>đến..... | Cơ sở<br>đào tạo                                    | Năm được<br>cấp bằng/có<br>quyết định<br>cấp bằng |
|----|----------------------------|-----------|----|-------------------|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|    |                            | NCS       | HV | Chính             | Phụ |                                               |                                                     |                                                   |
| 1  | Nguyễn<br>Thị Thanh<br>Hải |           | x  |                   |     | 2014-2015                                     | Trường ĐH<br>học Sư<br>phạm, ĐH<br>Thái Nguyên      | 2015                                              |
| 2  | Nguyễn<br>Thành Bắc        |           | x  | x                 |     | 2015-2016                                     | Khoa sau<br>ĐH, Đại<br>học Quốc<br>gia Hà Nội       | 2016                                              |
| 3  | Vương Văn<br>Vũ            |           | x  | x                 |     | 2015-2016                                     | Khoa sau<br>ĐH, Đại<br>học Quốc<br>gia Hà Nội       | 2016                                              |
| 4  | Trần Thị<br>Mùi            |           | x  | x                 |     | 2016-2017                                     | Khoa sau<br>ĐH, Đại<br>học Quốc<br>gia Hà Nội       | 2018                                              |
| 5  | Vũ Thị<br>Mừng             |           | x  | x                 |     | 2018-2019                                     | ĐHQG Hà<br>Nội, ĐH<br>KHTN                          | 2019                                              |
| 6  | Hoàng<br>Thanh<br>Tùng     |           | x  | x                 |     | 2019-2020                                     | Đại học<br>Thái<br>Nguyên,<br>Trường ĐH<br>Khoa học | 2020                                              |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

#### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

| TT | Tên sách                                                          | Loại sách<br>(CK, GT,<br>TK, HD) | Nhà xuất bản<br>và năm xuất<br>bản                                         | Số<br>tác<br>giả | Chủ<br>biên         | Phần<br>biên soạn<br>(từ<br>trang...<br>đến<br>trang) | Xác nhận của CS<br>GDDH<br>(Số văn bản xác<br>nhận sử dụng<br>sách)                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Downstream<br>Mekong River<br>Wetlands<br>Ecosystem<br>Assessment | CK                               | Lambert<br>Academic<br>Publishing;<br>ISBN: 978-3-<br>330-07952-6,<br>2017 | 02               | Đồng<br>chủ<br>biên | 36-121<br>133-138                                     | - Trường Đại học<br>Khoa học, Đại học<br>Thái Nguyên.<br>- Viện Tài nguyên<br>và Môi trường,<br>ĐHQG Hà nội. |



|   |                                                                                                              |    |                                                                                                    |    |          |                             |                                                                                                  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Mức độ tổn thương do Biến đổi khí hậu của các ngành, lĩnh vực KT-XH vùng Bắc Trung bộ                        | CK | Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2019                                                           | 7  | Chủ biên |                             | - Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.<br>- Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà nội. |
| 3 | Human Ecology of Climate Change Harzards in Vietnam: Risks for Nature and Humans in Lowland and Upland Areas | CK | Springer International Puplicing AG, Part of Springer Nature ISBN: 978-3-319-94917-8 (eBook); 2018 | 16 | Tham gia | 37-60<br>72-79              | - Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.<br>- Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà nội. |
| 4 | Biến đổi khí hậu trong nông nghiệp Nghệ An, thực trạng và giải pháp                                          | TK | Nhà xuất bản Nghệ An ISBN: 978-604-964-110-                                                        | 10 | Tham gia | 61-64<br>165-168<br>196-201 | - Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.<br>- Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà nội. |

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

**Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang..... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT        | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                      | CN/PCN /TK       | Mã số và cấp quản lý                                                         | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Giai đoạn 1: trước khi bảo vệ luận án tiến sỹ (trước năm 2013)</b>                                                                               |                  |                                                                              |                     |                                                     |
| 1         | Đề tài: Đánh giá biến đổi khí hậu vùng Trung bộ Việt Nam                                                                                            | Chủ nhiệm        | Đề tài cấp cơ sở do Viện Địa lý quản lý                                      | 2010                | 2010<br>Xuất sắc                                    |
| <b>II</b> | <b>Giai đoạn 2: sau khi bảo vệ luận án tiến sỹ (từ năm 2013 trở lại đây)</b>                                                                        |                  |                                                                              |                     |                                                     |
| 1         | Đề tài: Đánh giá mức độ tổn thương của hệ thống kinh tế - xã hội do tác động của biến đổi khí hậu tại vùng Bắc Trung bộ (thí điểm cho tỉnh Hà Tĩnh) | Chủ nhiệm        | Mã số: BDKH-24; Thuộc Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước (KHCN-BDKH/11-15) | 2013-2015           | 30/12/2015<br>Khá                                   |
| 2         | Đề tài nhánh: Quan hệ giữa các chỉ số ENSO (SSTA, SOI) với cháy rừng Thuộc Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng                                              | Chủ trì ĐT nhánh | Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp thiết mới phát sinh ở địa                    | 2012-2014           | 20/10/2016<br>Trung bình                            |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |                                                                                    |               |                   |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------|
|   | công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) xây dựng bản đồ phân vùng nguy cơ cháy rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên phục vụ bảo vệ và phòng chống cháy rừng                                                                                       |                            | phương<br>Cấp Nhà nước                                                             |               |                   |
| 3 | Đề tài nhánh: Nghiên cứu, xử lý, đánh giá số liệu khí tượng – khí hậu vùng Tây Nguyên và đề xuất giải pháp sử dụng đất bền vững.<br>Thuộc Đề tài: Nghiên cứu tổng hợp thoái hóa đất, hoang mạc hóa ở Tây Nguyên và đề xuất giải pháp sử dụng đất bền vững. | Chủ trì<br>đề tài<br>nhánh | Mã số TN3/T01<br>Thuộc Chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước (KHCN-TN3/11-15)  | 2013-<br>2014 | 30/5/2015<br>Khá  |
| 4 | Đề tài nhánh: Tài nguyên khí hậu tỉnh Attapeu<br>Thuộc Đề tài: Nghiên cứu đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt – Lào (tỉnh Kon tum và Attapeu) phục vụ quy hoạch các khu dân cư và phát triển bền vững               | Chủ trì<br>ĐT<br>nhánh     | Mã số: TN3/T12<br>Thuộc Chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước (KHCN-TN3/11-15) | 2011-<br>2015 | 16/11/2015<br>Khá |

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

#### 7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

| TT                           | Tên bài báo                                                                                                                                | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                   | Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi) | Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang      | Năm công bố |
|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|-------------|
| <b>I Các bài báo quốc tế</b> |                                                                                                                                            |            |                  |                                                                                   |                                             |                                        |                     |             |
| 1.                           | Ecosystem Assessment of Cuu Long River Delta Wetland, Vietnam                                                                              | 3          | x                | Journal of Environmental Science and Management/ ISSN: 0119-1144                  | <b>SCI-E</b>                                | 1                                      | 16(2), 36-45        | 2013        |
| 2.                           | Impacts of climate change on agro-ecological landscapes in the coastal area of the Thai Binh province (Vietnam) using the Delphi technique | 14         | x                | International Journal of Climate Change Strategies and Management ISSN: 1756-8692 | 5-year Impact Factor (2018): 1.291          | 11                                     | Vol.7, No2, 222-239 | 2015        |

| TT                                                               | Tên bài báo                                                                                                                             | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                                                                    | Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang            | Năm công bố |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|-------------|
| 3.                                                               | Biomass Estimation and Mapping of Can Gio Mangrove Biosphere Reserve in South of Vietnam Using Alos-2 Palsar-2 Data                     | 6          | x                | Applied Ecology and Environmental Research<br>ISSN 1589 1623 (Print)<br>ISSN 1785 0037 (online)                                                                                    | SCI-E<br>IF<br>(2018): 0.689                 | 2                                      | 17(1), 15-31              | 2019        |
| 4.                                                               | The analysis of mangrove forest changes period of 20 years in Can Gio Biosphere Reserve, Vietnam using remote sensing and GIS techonogy | 4          |                  | International Journal of UNESCO Biosphere Reserves<br>ISSN 2731-7890 (online)                                                                                                      |                                              | 1                                      | Vol.2 Issue 2, 31-50      | 2018        |
| 5.                                                               | Measuring Adaptation Level of Lucrative Cash Crop against Biloclimatological Condition in Ha Giang Province                             | 3          |                  | Proceedings of the International Conference on Livelihood Development and Sustainable Environmental Management in the Context of Climate Change (LDEM).<br>ISBN: 978-604-60-2164-3 |                                              |                                        | (63-630)/NN-2015, 243-250 | 2015        |
| 6.                                                               | Building Vulnerability Index of Public Health Caused by Climate Change in the North Central Region, Vietnam                             | 3          | x                | Proceedings of the International Conference on Livelihood Development and Sustainable Environmental Management in the Context of Climate Change (LDEM).<br>ISBN: 978-604-60-2164-3 |                                              |                                        | (63-630)/NN-2015, 380-385 | 2015        |
| <b>II Các bài báo giai đoạn trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ</b> |                                                                                                                                         |            |                  |                                                                                                                                                                                    |                                              |                                        |                           |             |
| 7.                                                               | Kiểm kê lượng KNK phát thải do sử dụng đất lâm nghiệp và rừng ở Nghệ An và Hà Tĩnh năm 1997                                             | 4          |                  | Tạp chí các khoa học về trái đất/ ISSN 0886-7187                                                                                                                                   |                                              |                                        | 3(T.22), 222-225          | 2000        |
| 8.                                                               | Phân bố đông và lốc trên lãnh thổ Việt Nam                                                                                              | 4          |                  | Tạp chí các khoa học về trái đất/ ISSN 0886-7187                                                                                                                                   |                                              |                                        | 1(T.26), 43-49            | 2004        |
| 9.                                                               | Những biến đổi của đặc trưng nhiệt do tác động của hồ chứa Hòa Bình                                                                     | 4          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744                                                                                                                                     |                                              |                                        | 2(410), 12-20             | 1995        |

| TT  | Tên bài báo                                                                                                                                        | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi) | Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang   | Năm công bố |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|------------------|-------------|
| 10. | Ảnh hưởng của hồ chứa Hòa Bình đến chế độ mưa, sương mù, đông khu vực                                                                              | 6          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 1(421),<br>11-17 | 1996        |
| 11. | Kết quả kiểm kê lượng khí nhà kính phát thải từ lĩnh vực sử dụng đất lâm nghiệp và rừng ở tỉnh Quảng Ninh năm 1996                                 | 4          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 12(468)<br>28-33 | 1999        |
| 12. | Bản đồ phân loại khí hậu khu vực Nam Trung bộ (Bình Thuận- Ninh Thuận) phục vụ nghiên cứu hoang mạc hóa                                            | 4          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 11(491)<br>36-46 | 2001        |
| 13. | Thành lập bản đồ phân bố lượng mưa của thời kỳ mưa lớn, đặc biệt lớn gây lũ lụt ở vùng Trung Trung bộ                                              | 4          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 11(503)<br>30-41 | 2002        |
| 14. | Nghiên cứu xây dựng bản đồ chất lượng môi trường không khí tổng hợp trong hệ thông tin địa lý (GIS)                                                | 5          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 11(527)<br>25-32 | 2004        |
| 15. | Nghiên cứu thành lập bản đồ tổng hợp chất lượng môi trường không khí TP Vinh bằng GIS                                                              | 3          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 12(540)<br>33-38 | 2005        |
| 16. | Sử dụng phương pháp tích hợp trong ARCVIEW GIS để xây dựng dữ liệu bản đồ phục vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường                                  | 3          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 552*,<br>6-12    | 2006        |
| 17. | Mối quan hệ giữa lượng mưa với các chỉ số ENSO trên các vùng thuộc lãnh thổ Việt Nam                                                               | 2          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 553,<br>2-6      | 2007        |
| 18. | Thành lập bản đồ Quy hoạch bảo vệ môi trường thành phố Vinh bằng phương pháp bản đồ trong Arcview GIS                                              | 3          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 563*,<br>41-46   | 2007        |
| 19. | Cơ sở khoa học và thực tiễn của phương pháp luận xây dựng quy hoạch cơ sở hạ tầng môi trường ứng dụng thử nghiệm cho thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. | 4          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744  |                                             |                                        | 579,<br>32-39    | 2009        |

| TT                                                    | Tên bài báo                                                                                                             | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                                 | Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi) | Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang      | Năm công bố |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|-------------|
| 20.                                                   | Ứng dụng phương pháp của IPCC để kiểm kê lượng khí nhà kính phát thải từ đất lâm nghiệp và rừng tại Tây Nguyên năm 1995 | 4          |                  | Tạp chí Lâm nghiệp/ISSN 0866-7098                                                                                               |                                             |                                        |                     | 2000        |
| 21.                                                   | Đánh giá tài nguyên sinh khí hậu phục vụ phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp vùng núi khô hạn Sốp Cộp, tỉnh Sơn La    | 2          |                  | TC Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/ISSN 0866-7020                                                                           |                                             |                                        | 20/2006<br>72-76    | 2006        |
| 22.                                                   | Nghiên cứu tính biến động của lượng mưa và mối quan hệ với hoạt động của ENSO trong vùng từ Đà Nẵng đến Phú Yên         | 1          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 2                                                                                      |                                             |                                        | tr192-199           | 2006        |
| 23.                                                   | Hiện trạng tai biến và tiềm năng tai biến môi trường tự nhiên tỉnh Nghệ An                                              | 2          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 3                                                                                      |                                             |                                        | tr233-242           | 2008        |
| 24.                                                   | Nghiên cứu thành lập bản đồ phân vùng chức năng môi trường tỉnh Nghệ An                                                 | 1          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 5                                                                                      |                                             |                                        | tr931-940           | 2010        |
| 25.                                                   | Phân tích điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, KT-XH và MT – Cơ sở phân vùng chức năng môi trường tỉnh Nghệ An   | 2          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 5                                                                                      |                                             |                                        | Tr365-374           | 2012        |
| 26.                                                   | Đề xuất một số biện pháp, chính sách và công cụ môi trường để quản lý môi trường tỉnh Quảng Ninh                        | 1          | x                | Kỷ yếu HTKH Quốc gia. Những vấn đề MT và PTBV vùng Đông bắc dưới tác động của quá trình phát triển KT-XH trong thời kỳ CNH, HĐH |                                             |                                        | tr192-199           | 2007        |
| <b>III Các bài báo sau khi bảo vệ luận án tiến sỹ</b> |                                                                                                                         |            |                  |                                                                                                                                 |                                             |                                        |                     |             |
| 27.                                                   | Tiếp cận Địa lý học trong nghiên cứu môi trường (lấy ví dụ tỉnh Nghệ An)                                                | 1          | x                | Tạp chí Các khoa học về Trái đất/ISSN 0886-7187                                                                                 |                                             |                                        | 4(T.35),<br>395-402 | 2013        |
| 28.                                                   | Đặc điểm hoạt động của bão vùng ven biển Bắc Trung Bộ, Việt Nam giai đoạn 1960-2013.                                    | 4          | x                | Tạp chí Các khoa học về Trái đất/ISSN 0886-7187                                                                                 |                                             |                                        | 37(3),<br>146-155   | 2015        |

| TT  | Tên bài báo                                                                                                                                                 | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                          | Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi) | Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang            | Năm công bố |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|-------------|
| 29. | Spatial distribution of hot days in north central region, Vietnam in the period of 1980-2013                                                                | 2          |                  | Vietnam Journal of Earth Sciences, ISSN 0886-7187                        |                                             |                                        | Vol.41, No 1, 36-45       | 2019        |
| 30. | Sinh khí hậu và phát triển rừng ngập mặn ven biển Thái Bình                                                                                                 | 4          |                  | Tạp chí ĐH QG Hà Nội: Các khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094 |                                             |                                        | Tập 33, số 1, 90-99       | 2017        |
| 31. | Tiếp cận phân vùng chức năng sinh thái trong định hướng tổ chức lãnh thổ tỉnh Thái Bình                                                                     | 3          |                  | Tạp chí ĐH QG Hà Nội: Các khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094 |                                             |                                        | Tập 33, số 2, 1-11        | 2017        |
| 32. | Đánh giá mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến ngành du lịch tỉnh Hà Tĩnh                                                                  | 2          | x                | Tạp chí ĐH QG Hà Nội: Các khoa học Trái đất và Môi trường ISSN 2588-1094 |                                             |                                        | Tập 34, số 1, 104-111     | 2018        |
| 33. | Assessing the Vulnerability of the Agricultural Sector in Nghe An Province Due to the Impact of Climate Change Taking into Account the Weight of Indicators | 1          | x                | VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences ISSN 2588-1094  |                                             |                                        | Vol. 35, No. 4, 57-67     | 2019        |
| 34. | Xác định trọng số của các chỉ thị trong đánh giá tổn thương do biến đổi khí hậu đến ngành du lịch tỉnh Nghệ An                                              | 2          | x                | Tạp chí Khoa học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN 2354-1075           |                                             |                                        | Vol.62, Issue 3, 171-180  | 2017        |
| 35. | The assessment of bioclimatic conditions serving outdoor tourism activities in Gia Lai province                                                             | 3          | x                | HNUE Journal of Science, Natural Sciences ISSN 2354-1075                 |                                             |                                        | Vol.64, Issue 10, 158-175 | 2019        |
| 36. | Comparison of rainfall distribution between ground measurements and data capture from satellite in Ca river basin                                           | 2          |                  | HNUE Journal of Science, Natural Sciences ISSN 2354-1075                 |                                             |                                        | Vol.64, Issue 10, 183-192 | 2019        |
| 37. | Phân tích quan hệ giữa chỉ số ENSO (SSTA, SOI, MEI) với cháy rừng tại tỉnh Phú Yên                                                                          | 3          |                  | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn ISSN 0866-8744                              |                                             |                                        | 646, 38-41                | 2014        |

| TT  | Tên bài báo                                                                                               | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                 | Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi) | Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang    | Năm công bố |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|-------------|
| 38. | Đánh giá mức độ tổn thương đến sinh kế của người dân tại một số huyện ở tỉnh Hà Tĩnh do biến đổi khí hậu  | 4          | x                | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744                                  |                                             |                                        | 653, 6-12         | 2015        |
| 39. | Chỉ số tổn thương tới sức khỏe cộng đồng do tác động của Biến đổi khí hậu tại tỉnh Thanh Hóa              | 2          | x                | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744                                  |                                             |                                        | 654, 27-33        | 2015        |
| 40. | Đánh giá mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu của hệ thống KT-XH vùng Bắc Trung Bộ                       | 3          | x                | Tạp chí Khí tượng – Thủy văn<br>ISSN 0866-8744                                  |                                             |                                        | 659, 27-33        | 2015        |
| 41. | Đánh giá mức độ hạn khí tượng vùng đồng bằng sông Hồng trong xu thế biến đổi khí hậu                      | 5          | x                | TC Nghiên cứu Địa lý Nhân văn,<br>ISSN: 2354-0648                               |                                             |                                        | số 1(28)<br>11-17 | 2020        |
| 42. | Sự biến đổi của nắng nóng khu vực Bắc Trung Bộ giai đoạn 1980-2013                                        | 2          |                  | TC Khoa học Tài nguyên và Môi trường<br>ISSN 0866-7608                          |                                             |                                        | Số 09, 81-89      | 2015        |
| 43. | Nghiên cứu nắng nóng ở vùng Bắc Trung bộ Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu                         | 3          |                  | Tạp chí Rừng và Môi trường<br>ISSN 1859-1248                                    |                                             |                                        | Số 74, 42-45      | 2015        |
| 44. | Biến đổi khí hậu vùng Trung Trung bộ                                                                      | 4          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 7                                      |                                             |                                        | tr392-399         | 2013        |
| 45. | Đánh giá điều kiện khí hậu phục vụ phát triển rừng ngập mặn dải ven biển Quảng Ninh - Hà Tĩnh             | 3          |                  | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 7                                      |                                             |                                        | Tr482-492         | 2013        |
| 46. | Nghiên cứu thành lập bản đồ sinh khí hậu sức khỏe con người tỉnh Quảng Bình                               | 6          |                  | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 8<br>ISBN: 978-604-918-437-6           |                                             |                                        | Tr415-423         | 2014        |
| 47. | Phân vùng hạn Khí tượng ở Phú Yên                                                                         | 5          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 8<br>ISBN: 978-604-918-437-6           |                                             |                                        | Tr726-732         | 2014        |
| 48. | Đánh giá ảnh hưởng của ENSO đến điều kiện khô hạn/ngập úng tỉnh Nghệ An thông qua chỉ số cán cân nhiệt ẩm | 2          |                  | Kỷ yếu HNKH Thanh niên lần thứ XIV, Viện HL KH&CN VN<br>ISBN: 978-604-913-494-4 |                                             |                                        | Tr35-41           | 2016        |

| TT  | Tên bài báo                                                                                                       | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                        | Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF,Qi) | Số trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang     | Năm công bố |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------|-------------|
| 49. | Đánh giá hiện trạng mức độ khô hạn vùng Bắc Trung bộ                                                              | 1          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9<br>ISBN: 978-604-913-513-2  |                                             |                                        | Quyển 1, 536-543   | 2016        |
| 50. | Nước dâng do bão ở vùng bờ các tỉnh Bắc Trung bộ, Việt Nam                                                        | 3          |                  | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9<br>ISBN: 978-604-913-513-2  |                                             |                                        | Quyển 1, 821-830   | 2016        |
| 51. | Nghiên cứu xây dựng bản đồ sinh khí hậu tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ 1/100.000 phục vụ quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học | 5          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9<br>ISBN: 978-604-913-513-2  |                                             |                                        | Quyển 1, 1138-1145 | 2016        |
| 52. | Đánh giá tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu đến ngành du lịch tỉnh Nghệ An                               | 2          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9<br>ISBN: 978-604-913-513-9  |                                             |                                        | Quyển 2, 645-652   | 2016        |
| 53. | Biến đổi khí hậu, toàn cầu hóa và ảnh hưởng của chúng đến quá trình phát triển ở Việt Nam                         | 1          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 10<br>ISBN: 978-604-913-693-1 |                                             |                                        | Quyển 1, 591-601   | 2018        |
| 54. | Bước đầu nghiên cứu thành lập hệ thống chú giải bản đồ sinh khí hậu phục vụ hoạt động du lịch tỉnh Gia Lai        | 3          |                  | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 10<br>ISBN: 978-604-913-694-8 |                                             |                                        | Quyển 2, 412-418   | 2018        |
| 55. | Đánh giá mức độ hạn khí tượng vùng Đồng bằng sông Hồng                                                            | 3          |                  | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 10<br>ISBN: 978-604-913-694-8 |                                             |                                        | Quyển 2, 419-424   | 2018        |
| 56. | Đánh giá điều kiện sinh khí hậu phục vụ phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Hồng, Việt Nam                     | 6          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XI<br>ISBN: 978-604-918-437-6 |                                             |                                        | Quyển 1, 293-313   | 2019        |
| 57. | Đánh giá điều kiện sinh khí hậu phục vụ phát triển du lịch tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam                               | 6          | x                | Kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XI<br>ISBN: 978-604-913-773-0 |                                             |                                        | Quyển 1, 413-422   | 2019        |



- Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án tiến sỹ (trước năm 2003) đã có 20 bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu khoa học, trong đó có: 1 bài trên tạp chí Các khoa học về Trái đất; 12 bài trên Tạp chí Khí tượng – Thủy văn; 1 bài trên Tạp chí Lâm Nghiệp; 1 bài trên Tạp chí Nông nghiệp phát triển Nông thôn và 05 bài đăng trong các kỷ yếu hội nghị quốc gia.

- Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án tiến sỹ (từ năm 2013 trở lại đây), đã đăng được 37 bài trên các tạp chí khoa học quốc tế, tạp chí quốc gia và kỷ yếu hội nghị có uy tín. Cụ thể như sau:

- + Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín: 04 bài
- + Bài báo đăng trên tạp chí quốc gia: 17 bài
- + Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo Quốc tế có ISBN: 02 bài
- + Bài báo đăng trên kỷ yếu khoa học Địa lý toàn quốc: 14 bài

#### 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|------------|
| 1   |                                                |                 |                    |            |
| 2   |                                                |                 |                    |            |
| ... |                                                |                 |                    |            |

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

#### 7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

| TT  | Tên giải thưởng | Cơ quan/tổ chức ra quyết định | Số quyết định và ngày, tháng, năm | Số tác giả |
|-----|-----------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------|
| 1   |                 |                               |                                   |            |
| 2   |                 |                               |                                   |            |
| ... |                 |                               |                                   |            |

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT  
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020*

Người đăng ký  
(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Lưu Thu Thủy